

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Kế toán Mã số: 7340301

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Kinh tế vi mô	1.2. Tên tiếng Anh: Micro Economics
1.3. Mã học phần: KTKTVM.001	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 LT
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Nguyễn Thị Kim Phụng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên được sự phân công của Bộ môn
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần cung cấp các kiến thức về kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Là môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; Tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: Cung và cầu về hàng hóa; Cung và cầu về lao động; Sản xuất, chi phí và lợi nhuận; Cạnh tranh và độc quyền; Hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có khả năng tổng hợp và sử dụng công cụ phân tích trong kinh tế vi mô.
- Có kiến thức chuyên sâu để phân tích cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường.

- Phân tích mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế như người tiêu dùng, nhà sản xuất. Sự tương tác giữa các tác nhân này trong thị trường sản phẩm.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng được khối kiến thức về các nguyên tắc kinh tế cơ bản và vận dụng những nguyên tắc này để lý giải các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp và trong các tình huống cụ thể.

- Có kiến thức chuyên sâu và sử dụng thành thạo các phương pháp phân tích hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trong các thị trường cụ thể.

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Giải thích được lý thuyết, mô hình và phân tích cơ bản về các nguyên lý kinh tế vi mô.
CLO2	Tổng hợp và đánh giá được các vấn đề về lý thuyết hành vi người tiêu dùng.
CLO3	Hệ thống hóa và lựa chọn lý thuyết về hành vi của nhà sản xuất để ứng dụng phân tích cho doanh nghiệp.
CLO4	Sử dụng các chỉ tiêu để kiểm tra, đánh giá và phân tích thị trường các yếu tố sản xuất.
CLO5	Giải thích, mở rộng các vấn đề thời sự về tình hình kinh tế - xã hội mà Việt Nam và các nước trên thế giới có ảnh hưởng đến doanh nghiệp.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
))))))))))))
CLO 1	I	I									I	
CLO 2		R		I		R	R		I		I	

CLO 3		M				I	I		I			
CLO 4				I		R	R				I	I
CLO 5	I			I			M	I	I		I	R
Tổng hợp học phần	I	M		I		R	M	I	I		I	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			X	CLO5	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1, chương 2 và chương 3	30%	X	CLO 1, CLO 2	Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10 Đánh giá theo Rubric 4; kiểm tra viết theo thang điểm 10
		A2.2. Tuần 10: Chương 3, chương 4 và chương 5	30%	X	CLO 3, CLO 4	
		A2.3. Tuần 15: Chương 5, chương 6 và chương 7	40%	X	CLO 5	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp		X	CLO 1 CLO 3 CLO 5	Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kinh tế học vi mô</p> <p>1.1 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô</p> <p>1.2 Doanh nghiệp và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp</p> <p>1.3 Lý thuyết lựa chọn</p>	3 LT	<p>1.1. Nắm được đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô</p> <p>1.2. Nắm được những vấn đề kinh tế cơ bản trong một doanh nghiệp</p> <p>1.3. Nắm được lý thuyết lựa chọn trong kinh tế</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 1</p> <p>CLO 1</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1])</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi</p>	

2	<p>Chương 1: tiếp theo</p> <p>1.4. Quy luật lợi suất giảm dần và chi phí cơ hội ngày càng tăng</p> <p>Chương 2: Cung - cầu</p> <p>2.1. Cầu</p>	<p>2 LT</p> <p>1LT</p>	<p>1.2. Hiểu được những nội dung cơ bản trong phát triển kinh tế</p> <p>2.1. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến cầu</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO2</p>			
3	<p>Chương 2: tiếp theo</p> <p>2.1. Cầu</p> <p>2.2. Cung</p>	<p>2 LT</p> <p>1BT</p>	<p>2.1. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến cầu</p> <p>2.2. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến cung</p>	<p>CLO 2</p> <p>CLO 2</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	

4	Chương 2: Tiếp theo 2.3. Sự co giãn cung - cầu	2 LT 1 BT	2.3. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến sự co giãn của cung và của cầu	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	Chương 2: Tiếp theo 2.4 Cân bằng thị trường Chương 3: Lý thuyết về hành vi của nhà sản xuất 3.1. Lý thuyết về lợi ích	1LT 2 LT	2.4. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến cân bằng thị trường 3.1. Hiểu được các vấn đề về lý thuyết về lợi ích	CLO1 CLO2 CLO2			A2.1
6	Chương 3: tiếp theo 3.2. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu	2 LT 1 BT	3.2. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến lựa chọn tiêu dùng tối ưu	CLO 2 CLO 3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung	

						liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	Chương 3: Tiếp theo 3.2. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu tiếp theo Chương 4: Lý thuyết hành vi của nhà sản xuất 4.1. Lý thuyết về sản xuất	1BT 2 LT	3.2. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến lựa chọn tiêu dùng tối ưu 4.1. Hiểu được những vấn đề cơ bản về lý thuyết sản xuất	CLO 2 CLO3 CLO 3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
8	Chương 4: Tiếp theo 4.2. Lý thuyết về chi phí	2 LT 1 BT	4.2. Hiểu vững và vận dụng được các vấn đề về lý thuyết chi phí	CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

9	<p>Chương 4: Tiếp theo 4.3. Lý thuyết về lợi nhuận</p> <p>Chương 5: Cạnh tranh và Độc quyền 5.1. Thị trường và phân loại thị trường 5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p>	<p>1 LT</p> <p>2 LT</p>	<p>4.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến lý thuyết về lợi nhuận</p> <p>5.1. Nắm được các vấn đề về thị trường và phân loại thị trường 5.2. Nắm được các vấn đề về thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
10	<p>Chương 5: tiếp theo 5.3. Thị trường độc quyền</p>	<p>2 LT</p> <p>1 BT</p>	<p>5.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến thị trường độc quyền</p>	<p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	<p>A2.2</p>
11	<p>Chương 5: Tiếp theo</p>	<p>2 LT</p> <p>1 BT</p>	<p>5.4. Nắm vững và vận dụng được các nội dung về thị</p>	<p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có</p>	

	5.4. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo		trường cạnh tranh không hoàn hảo		projector để hướng dẫn	thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
12	Chương 6: Thị trường các yếu tố sản xuất 6.1. Thị trường lao động	2 LT 1 BT	6.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến thị trường lao động	CLO5	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
13	Chương 6: tiếp theo 6.2. Thị trường vốn	3 LT	6.2. Nắm được những nội dung cơ bản về thị trường vốn	CLO 5	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	

14	Chương 7: Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường 7.1. Những hạn chế của thị trường	2 LT 1BT	7.1. Nắm vững và vận dụng được các vấn đề hạn chế của thị trường	CLO4 CLO5	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
15	Chương 7: Tiếp theo 7.2. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường	2 LT 1 BT	7.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường	CLO3 CLO5	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.3
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR

- (7) *Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, tìm trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).*

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thị Kim Phụng	2021	<i>Bài giảng Kinh tế vi mô</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Ngô Đình Giao	2010	<i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>	NXB Giáo dục
3	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2014	<i>Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>	NXB Đại học kinh tế quốc dân
4	Vũ Kim Dũng	2006	<i>Kinh tế học vi mô</i>	NXB Thống kê

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>
6	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>
7	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 7</i>

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assigment): Rubric 3**Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 5.**Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phụng

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ (MICRO ECONOMICS)

Mã học phần: KTKTVM.001

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu: phút ngày tháng năm 20

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

- | | |
|------------------------------|-----------------------|
| 1. Th.S Phan Thị Thu Hà | Chủ tịch Hội đồng |
| 2. Th.S Nguyễn Thị Kim Phụng | Thư ký |
| 3. TS. Trần Thị Thu Thủy | Ủy viên – phản biện 1 |
| 4. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh | Ủy viên – Phản biện 2 |
| 5. TS. Bùi Khắc Hoài Phương | Ủy viên - Thành viên |

2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:

- Phản biện 1: TS. Trần Thị Thu Thủy đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: ThS. Lê Khắc Hoài Thanh đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Kinh tế vi mô cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

3. Kết luận của Hội đồng:

Về hình thức:

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 4)

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có khả

năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, đưa thêm bài tập với môn này trong từng chương.

Kết luận: Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Quảng Bình, ngày tháng năm 201

THƯ KÝ

Phan Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Kim Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

- Lê Khắc Hoài Thanh

- Trần Thị Thu Thủy

- Bùi Khắc Hoài Phương

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ (MICRO ECONOMICS)

MHP: KTKTVM.001

Số tín chỉ: 02

Đối tượng: Sinh viên Đại học ngành Kế toán, hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 2, trang 4)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp
- Phân bố số tiết trong các chương hợp lý.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 201
NGƯỜI NHẬN XÉT

Trần Thị Thu Thủy

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ (MICRO ECONOMICS)

MHP: KTKTVM.001

Số tín chỉ: 02

Đối tượng: Sinh viên Đại học ngành Kế toán, hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 1, 4)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 201

NGƯỜI NHẬN XÉT

Lê Khắc Hoài Thanh